TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/9/2017.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Ngô Văn Mừng.

Ông Trương Phước Công.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1992; (có mặt).

Thường trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh A.

Tạm trú: Ấp N.A, xã N, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1981; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T đám cưới năm 2011, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T cờ bạc, rượu chè rồi về quậy phá, chửi bới om sòm, không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Vợ chồng không còn sống chung từ

khoảng tháng 08/2016 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với chồng là ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu M, cháu D đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Chị S và anh T kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, uống rượu về quậy phá, chửi chị S, không lo làm ăn, không lo cho vợ con. Chị S và anh T ly thân từ tháng 08/2016 đến nay, thấy tình cảm không còn, chị S yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã trở nên trầm trọng, chị S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị S yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu M, cháu D đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu M và cháu D sống chung với chị S và phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống cho 02 cháu nghĩ nên để chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 cháu. Do đó, yêu cầu của chị S được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và cháu D là có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà S khởi kiện ông T, ông T có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết nhận số 153/KH quyển số 01/2011 ngày 31 tháng 8 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà S xác định vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn lý do ông T cờ bạc, rượu chè rồi về quậy phá, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Cha mẹ có khuyên ông T nhiều lần nhưng không được. Bà S xác định vợ chồng không còn sống chung từ khoảng tháng 08/2016 đến nay. Xét thấy, bà S, ông T không còn sống chung hơn 01 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan T lẫn nhau, giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu M, cháu D đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu M, cháu D đang sống ổn định với bà S. Bà S yêu cầu được nuôi cháu cháu M, cháu D, ông T cũng không có ý kiến phản đối và theo biên bản xác minh ngày 16/8/2017, bà Võ Thị Mỹ T là bà ngoại của cháu D, cháu M xác định hai cháu đang sống với bà S và phát tiển bình thường như bao đứa trẻ khác. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà S là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M và cháu D.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận bà S xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà S và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S.

[1]. Bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

[2]. Bà Nguyễn Thị Thu S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Đăng D, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014. Hiện cháu M, cháu D đang sống với bà S.

Bà S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0014093 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: - TAND tỉnh An Giang; - VKSND huyện Chợ Mới; - UBND xã N; - Các đương sự; - Lưu./.		**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** *(Đã ký tên và đóng dấu)* **Lại Hiệp Phong**